

## **Bài 60** PHÉP CỘNG (có nhớ) TRONG PHẠM VI 1 000 (3 tiết)

### **I** MỤC TIÊU

Giúp HS:

#### ***Kiến thức, kĩ năng***

- HS thực hiện được phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1 000:
  - + Đặt tính theo cột dọc;
  - + Từ phải qua trái, cộng hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm với hai tình huống: nhớ 1 từ cột đơn vị sang cột chục hoặc nhớ 1 từ cột chục sang cột trăm.
- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi đã học.

#### ***Phát triển năng lực***

Thông qua hoạt động khám phá, phát hiện tình huống, nêu bài toán và cách giải, HS phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.

## II CHUẨN BỊ

- Bộ thẻ (ô vuông) biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và số đơn vị lẻ.
- Nên chuẩn bị hình phóng to phần khám phá; bài 3 tiết 1, bài 5 tiết 2, bài 4 và bài 5 tiết 3.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**Lưu ý chung:** Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:  
Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

### Tiết 1. Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1 000

**Yêu cầu chủ yếu của tiết học:** Giới thiệu và hướng dẫn thực hiện kĩ thuật đặt tính rồi tính phép cộng hai số có ba chữ số (có nhớ 1 chục); vận dụng vào bài toán có lời văn.

#### 1. Khám phá

- Cách tiếp cận:



- GV cho HS quan sát tranh và dẫn dắt câu chuyện, chẳng hạn: “Nhà sóc phải dự trữ hạt thông cho mùa đông sắp đến. Nhà sóc có sóc mẹ, sóc bố, sóc anh và sóc em.” GV có thể cho HS đọc lời thoại của các nhân vật.
- GV giúp HS tìm hiểu, phân tích bài toán (cho biết gì, hỏi gì?), từ đó dẫn đến phép cộng “ $346 + 229$ ”.
- GV sử dụng bộ thẻ biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và các đơn vị lẻ để giải thích cấu tạo của các số 346, 229. Đến phép cộng, GV hướng dẫn kĩ thuật đặt tính rồi tính (theo SGK) phép cộng (có nhớ 1 chục) số có ba chữ số với số có ba chữ số. Cuối cùng, GV nêu câu trả lời của bài toán.

#### 2. Hoạt động

**Bài 1:** Yêu cầu HS thực hiện được kĩ thuật tính phép cộng (có nhớ 1 chục) số có ba chữ số với số có ba hoặc hai chữ số.

**Bài 2:** Yêu cầu HS đặt phép tính theo cột dọc rồi thực hiện kĩ thuật tính phép cộng (có nhớ 1 chục) số có ba chữ số với số có ba hoặc hai chữ số.

**Bài 3:** Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn, chẳng hạn:

*Bài giải*

Số chấm màu Rô-bốt đã vẽ là:

$$709 + 289 = 998 \text{ (chấm)}$$

*Đáp số:* 998 chấm màu.

– Bài này sử dụng ví dụ về dùng chấm màu để vẽ tranh. Tỷ lệ số chấm màu xanh và màu đỏ gần bằng tỷ lệ diện tích phần đại dương và đất liền của Trái Đất. GV có thể lấy thêm một số hình ảnh minh họa tranh vẽ bằng chấm màu để thêm sinh động.

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

## Tiết 2. Luyện tập

*Yêu cầu chủ yếu của tiết học:* Củng cố và hoàn thiện kỹ năng đặt tính rồi tính phép cộng (thêm trường hợp có nhớ 1 trăm) các số có ba chữ số trong phạm vi 1 000. HS thực hiện được phép cộng nhằm số tròn trăm ra kết quả là 1 000; áp dụng phép cộng có nhớ vào bài toán có lời văn.

*Bài 1:* GV hướng dẫn HS thực hiện kỹ thuật tính phép cộng (có nhớ 1 trăm) theo mẫu. Sau đó cho HS thực hành làm các câu a và b rồi chữa bài.

*Bài 2:* Yêu cầu HS đặt tính rồi tính.

GV cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

*Bài 3:* GV hướng dẫn HS tính nhẩm theo mẫu. Đối với phép cộng: “300 + 700” thì nhẩm là “3 trăm cộng 7 trăm”, coi “trăm” là đơn vị, sẽ được “10 trăm”. Mà “10 trăm là 1 000”, do đó “300 + 700 = 1 000”. Yêu cầu HS tính nhẩm tương tự với các phép tính còn lại.

*Bài 4:* Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn. Chẳng hạn:

*Bài giải*

Ngày thứ hai đàn sếu bay được số ki-lô-mét là:

$$248 + 70 = 318 \text{ (km)}$$

*Đáp số:* 318 km.

GV có thể giới thiệu: Vào mùa xuân, đàn sếu di cư có thể bay được đến 650 km trong 8 đến 10 giờ.

*Bài 5:* Yêu cầu HS thực hiện từng phép tính trên các bóng đèn, sau đó tìm bóng đèn ra kết quả có cách đọc giống với cách đọc ghi trên nguồn điện (ở đây là ắc-quy).

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

## Tiết 3. Luyện tập

*Yêu cầu chủ yếu của tiết học:* Củng cố kỹ năng thực hiện phép cộng trong phạm vi 1 000; áp dụng tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ; giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn.

*Bài 1:* Yêu cầu HS đặt phép tính theo cột dọc rồi thực hiện kĩ thuật tính phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1 000.

*Bài 2:* Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn, chẳng hạn:

*Bài giải*

Toà nhà B cao số mét là:

$$336 + 129 = 465 \text{ (m)}$$

*Đáp số:* 465 m.

*Bài 3:* HS thực hiện phép tính có hai dấu phép tính cộng, trừ. Đây là các phép cộng và trừ ra kết quả tròn chục nên HS có thể tính nhẩm.

Lưu ý: Thực hiện tính lần lượt từ trái sang phải.

*Bài 4:* Yêu cầu HS quan sát tranh và nêu các dữ kiện (lượng nước ở mỗi bể). Yêu cầu HS viết phép tính và thực hiện:  $240 + 320 = 560$ . Sau đó trả lời câu hỏi của bài toán, chẳng hạn: “Sau khi các bể đầy nước, tổng lượng nước ở hai bể là 560 l”.

Dựa vào tranh và hiểu biết của HS, GV có thể cho HS dự đoán xem bể nào đầy nước trước tính từ lúc bác cá sấu mở vòi nước.

*Bài 5:* GV minh hoạ từng bước đi của rô-bốt Tíc-tốc theo dãy lệnh. Ở câu a làm mẫu với lệnh “ $\uparrow \rightarrow$ ”.

- Tuỳ điều kiện, GV có thể đặt thêm câu hỏi, chẳng hạn: “Từ vị trí xuất phát để đến số 46, Tíc-tốc có thể đi theo dãy lệnh nào?”. Câu hỏi này có nhiều đáp án.
- Giới thiệu thêm với GV: Các số trong bảng thực chất là một ma phương bậc 4 có nghĩa là nếu cộng các số theo hàng dọc, hàng ngang, đường chéo thì được cùng một kết quả. Rô-bốt Tíc-tốc là một nhân vật trong truyện “Phù thuỷ xứ OZ” của L. Frank Baum. Đây là một bài toán minh hoạ cho khái niệm lập trình. Một chương trình lập trình chủ yếu gồm các dòng mã lệnh, mỗi mã lệnh nêu ra một yêu cầu cụ thể để máy tính thực hiện. Các mã lệnh  $\leftarrow$ ,  $\rightarrow$ ,  $\uparrow$ ,  $\downarrow$  có thể hiểu là các mã lệnh lập trình đơn giản.

*Lưu ý:* Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).